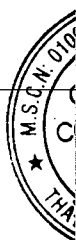




**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin chung

	Trang
Thông tin về Công ty	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 36

MSA 000 10-11

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000113 ngày 24 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 1 năm 2006

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005
17/UBCK-GP ngày 23 tháng 7 năm 2008
27/UBCK-GPĐC ngày 20 tháng 11 năm 2008
67/UBCK-GPĐC ngày 15 tháng 4 năm 2010
25/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2011
51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012
08/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013
29/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2013
63/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2018

Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ lần lượt do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép đầu tư của công ty mẹ có hiệu lực đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

Hội đồng Thành viên

Buwalda Jeroen Jelle Bart	Chủ tịch
Ngô Thế Triệu	Thành viên
Clive Darren Baker	Thành viên (đến ngày 21 tháng 6 năm 2020)
Phuong Tiến Minh	Thành viên (từ ngày 22 tháng 6 năm 2020)

Ban Giám đốc Ngô Thế Triệu Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo của Ban Giám đốc

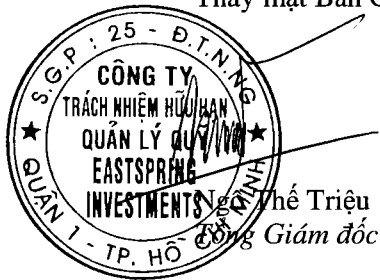
Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Nhà đầu tư Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2020 được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Số báo cáo soát xét số: 20-01-00265-20-1



Hà Văn Dũng
Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B01a - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		262.808.289	218.474.932
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	133.713.884	110.034.045
Tiền	111		8.613.884	4.034.045
Các khoản tương đương tiền	112		125.100.000	106.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.000.000	65.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	80.000.000	65.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	47.098.814	41.793.426
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		194.794	94.987
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	134		46.336.375	40.576.618
Phải thu khác	135		582.645	1.136.821
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(15.000)	(15.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.995.591	1.647.461
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.995.591	1.647.461
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		5.174.969	4.254.505
Tài sản cố định	220		675.023	915.252
Tài sản cố định hữu hình	221	7	675.023	915.252
Nguyên giá	222		5.035.629	5.035.629
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.360.606)	(4.120.377)
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	-
Nguyên giá	228		982.797	982.797
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(982.797)	(982.797)
Tài sản dài hạn khác	260		4.499.946	3.339.253
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9	3.318.381	2.157.688
Tài sản dài hạn khác	268	10	1.181.565	1.181.565
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		267.983.258	222.729.437

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01a - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		35.192.352	36.097.823
Nợ ngắn hạn	310		30.559.564	31.113.111
Phải trả người bán	312		249	338.976
Thuế phải nộp Nhà nước	314	11	7.735.101	5.424.669
Phải trả người lao động	315		-	56.824
Chi phí phải trả	316	12	20.782.945	22.106.302
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.041.269	3.186.340
Nợ dài hạn	330		4.632.788	4.984.712
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	1.461.473	1.385.147
Dự phòng phải trả	337	15	3.171.315	3.599.565
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		232.790.906	186.631.614
Vốn chủ sở hữu	410		232.790.906	186.631.614
Vốn góp	411	16	25.000.000	25.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000	2.500.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		2.500.000	2.500.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		202.790.906	156.631.614
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	420a		156.631.614	86.749.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	420b		46.159.292	69.881.661
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		267.983.258	222.729.437

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

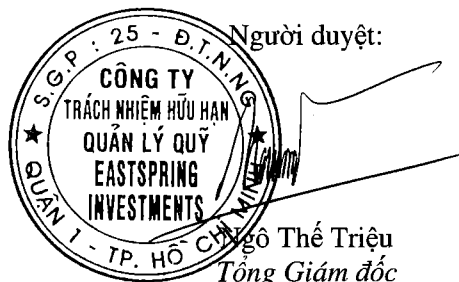
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
Ngoại tệ	005	23	73.306	73.291
Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty	030	17	4.870.816.362	1.760.229.638
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty	040	18	110.677.248.718	100.737.388.254
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty	050		549.836.568	154.006.917

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Lê Minh Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020

Mẫu B02a - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND'000	30/6/2019 VND'000
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	19	93.303.540	66.268.789
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.997.825	2.338.146
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	38.572.034	33.105.518
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 25)	30		57.729.331	35.501.417
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		57.729.331	35.501.417
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	12.730.732	3.272.715
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	22	(1.160.693)	(105.990)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		46.159.292	32.334.692

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND'000	30/6/2019 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ	01	87.543.783	63.275.750
Tiền chi trả cho cán bộ công nhân viên	03	(28.232.514)	(27.123.372)
Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(10.872.399)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	15.959
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.240.485)	(12.692.822)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	35.198.385	23.475.515
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng	23	(80.000.000)	-
Thu tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	24	65.000.000	38.000.000
Thu lãi tiền gửi	27	3.481.454	2.760.338
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(11.518.546)	40.760.338
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	23.679.839	64.235.853
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	110.034.045	69.292.045
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 4)	70	133.713.884	133.527.898

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Lê Minh Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ là 25 tỷ VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 20 nhân viên (31/12/2019: 21 nhân viên) trong đó có một (1) nhân viên quản lý cấp cao. Trong kỳ, Công ty có một (1) nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên nào vi phạm kỷ luật. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 9 nhân viên (31/12/2019: 9 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chuẩn mực này và các quy định pháp lý có liên quan có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, làm tròn đến nghìn đồng (“VND’000”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn trên ba tháng đến một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp 3 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 4 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên

Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên bao gồm khoản thưởng bằng tiền cho nhân viên mà Công ty có nghĩa vụ chi trả trong vòng ba năm. Khoản thưởng này được ghi nhận là khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong khoảng thời gian mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng này (“kỳ được nhận thưởng”). Khoản chi phí ghi nhận được điều chỉnh hàng năm bằng cách tham chiếu đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Eastspring Investments trên toàn Châu Á trong kỳ được nhận thưởng.

(j) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

(k) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(l) Các quỹ dự trữ

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư, phí quản trị danh mục đầu tư và phí hỗ trợ phân bổ tài sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(s) Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là quản lý đầu tư và hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(t) Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ và chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

(i) Thưởng cho nhân viên

Công ty đang tạm thời trích trước chi phí thưởng cho nhân viên dựa trên kế hoạch tài chính của Tập đoàn cho năm 2020 cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Tuy nhiên, khoản chi phí thưởng này sẽ được phê duyệt tại cuối kỳ kế toán năm dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(ii) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các quy định thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được tạm tính bằng 20% lợi nhuận của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(iii) Dự trữ bắt buộc

Theo các quy định, dự trữ bắt buộc được tính vào thời điểm cuối năm.

(u) Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện cho báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc so với cùng kỳ năm ngoái.

(v) Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(w) Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc năm tài chính gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Tiền gửi ngân hàng		
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	8.144.474	2.792.987
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	469.410	1.241.058
	<hr/> 8.613.884	<hr/> 4.034.045
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng		
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam)	40.000.000	20.000.000
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	20.000.000	55.000.000
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	65.100.000	31.000.000
	<hr/> 125.100.000	<hr/> 106.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<hr/> <hr/> 133.713.884	<hr/> <hr/> 110.034.045

Các khoản tương đương tiền của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có lãi suất năm dao động từ 0,94% đến 2,56% (31/12/2019: từ 3,44% đến 4,41%) đối với các khoản tiền gửi bằng VND. Trong trường hợp Công ty rút tiền gửi trước ngày đáo hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được hưởng lãi suất theo chính sách của ngân hàng áp dụng cho trường hợp rút trước ngày đáo hạn.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm		
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam)	20.000.000	65.000.000
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	10.000.000	-
▪ MUFG Bank, Ltd., – Chi Nhánh Hà Nội	50.000.000	-
	<hr/> 80.000.000	<hr/> 65.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND, với kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và có lãi suất năm dao động từ 1,88% đến 3,88% (31/12/2019: từ 3,90% đến 4,10%).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ bao gồm:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Phải thu công ty mẹ	46.166.375	40.391.618
Phải thu các công ty liên quan khác	170.000	185.000
	<hr/>	<hr/>
	46.336.375	40.576.618
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không hưởng lãi suất và có thể thu được khi có nhu cầu.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Lãi dự thu	494.006	1.011.342
Đặt cọc tiền thuê	39.000	39.000
Phải thu từ người lao động	19.000	55.840
Phải thu khác	30.639	30.639
	<hr/>	<hr/>
	582.645	1.136.821
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là các khoản phải thu đã quá hạn có giá trị ghi sổ là 30 triệu VND (31/12/2019: 30 triệu VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B09a - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định hữu hình****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
---	---	-------------------------

Nguyên giá

Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	1.858.849	3.176.780	5.035.629
----------------------------	-----------	-----------	-----------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	1.554.289	2.566.088	4.120.377
Khấu hao trong kỳ	164.983	75.246	240.229

Số dư cuối kỳ

1.719.272	2.641.334	4.360.606
-----------	-----------	-----------

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	304.560	610.692	915.252
Số dư cuối kỳ	139.577	535.446	675.023

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
---	---	-------------------------

Nguyên giá

Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	1.858.849	3.176.780	5.035.629
----------------------------	-----------	-----------	-----------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	1.382.030	2.230.373	3.612.403
Khấu hao trong kỳ	181.616	86.129	267.745

Số dư cuối kỳ

1.563.646	2.316.502	3.880.148
-----------	-----------	-----------

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	476.819	946.407	1.423.226
Số dư cuối kỳ	295.203	860.278	1.155.481

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 3.676 triệu VND (31/12/2019: 3.474 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND'000	30/6/2019 VND'000
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	982.797	982.797
<hr/>		
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	982.797	961.953
Khấu hao trong kỳ	-	10.422
<hr/>		
Số dư cuối kỳ	982.797	972.375
<hr/>		
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	-	20.844
Số dư cuối kỳ	-	10.422
<hr/>		

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 983 triệu VND (31/12/2019: 983 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí phải trả	3.026.086	1.880.659
Dự phòng trợ cấp thôi việc	292.295	277.029
<hr/>		
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.318.381	2.157.688
<hr/>		

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Đặt cọc thuê văn phòng	1.181.565	1.181.565

11. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020	Số phát sinh	Số đã nộp	30/6/2020
	VND'000	trong năm	trong năm	VND'000
		VND'000	VND'000	
Thuế thu nhập cá nhân	284.161	7.784.639	(7.716.184)	352.616
Thuế nhà thầu	145.662	608.938	(225.294)	529.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.994.846	12.730.732	(10.872.399)	6.853.179
	5.424.669	21.124.309	(18.813.877)	7.735.101

12. Chi phí phải trả

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Các khoản tiền thưởng	7.070.688	12.732.792
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh số 15)	1.670.192	4.475.625
Chi phí hoạt động phải trả	10.889.154	3.032.820
Các khoản khác	1.152.911	1.865.065
	20.782.945	22.106.302

13. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả liên quan đến dịch vụ IT và hành chính văn phòng cho các công ty liên quan, chi tiết như sau:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Phải trả cho công ty mẹ – Phi thương mại	247.061	2.091.131
Phải trả các công ty liên quan khác – Phi thương mại	1.360.353	653.939
Phải trả bên thứ ba – Phi thương mại	433.855	441.270
	2.041.269	3.186.340

Khoản phải trả cho công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020 VND'000	30/6/2019 VND'000
Số dư đầu kỳ	1.385.147	1.365.483
Dự phòng trích lập trong kỳ	76.326	47.977
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(75.351)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.461.473	1.338.109

15. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên (i)	2.610.160	3.270.500
Thưởng khác	561.155	329.065
	<hr/>	<hr/>
	3.171.315	3.599.565

(i) Biến động của khoản thưởng dài hạn cho nhân viên trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020 VND'000	30/6/2019 VND'000
Số dư đầu kỳ	3.270.500	4.917.727
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.009.852	1.182.817
Chuyển sang các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh số 12)	(1.670.192)	(3.812.231)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.610.160	2.288.313

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

16. Vốn chủ sở hữu

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND'000	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	25.000.000	2.500.000	2.500.000	156.631.614	186.631.614
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	46.159.292	46.159.292
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	25.000.000	2.500.000	2.500.000	202.790.906	232.790.906
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	25.000.000	2.081.457	2.081.457	86.749.953	115.912.867
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	32.334.692	32.334.692
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	25.000.000	2.081.457	2.081.457	119.084.645	148.247.559

(b) Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty là 25 tỷ VND đã được góp đủ bởi công ty mẹ, là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Công ty mẹ cấp cao nhất, Prudential plc, được thành lập tại Anh Quốc.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

17. Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ cho nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty như sau:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Quỹ Chủ sở hữu	314.993.183	635.015.353
Tiền gửi ngân hàng	64.558.799	384.015.353
Các khoản tương đương tiền (*)	250.434.384	251.000.000
Quỹ Toàn cầu	182.194.248	109.051.578
Tiền gửi ngân hàng	112.194.248	9.051.578
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000	100.000.000
Quỹ Nhân thọ	3.820.261.215	698.573.568
Tiền gửi ngân hàng	1.096.360.681	424.745.568
Các khoản tương đương tiền (*)	2.723.900.534	273.828.000
Quỹ Liên kết Đầu tư	512.743.950	287.815.965
Tiền gửi ngân hàng	170.658.206	142.038.560
Các khoản tương đương tiền (*)	342.085.744	145.777.405
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	38.206.874	25.237.303
Tiền gửi ngân hàng	18.843.198	5.175.659
Các khoản tương đương tiền (*)	19.363.676	20.061.644
Quỹ Hưu trí	2.416.892	4.535.871
Tiền gửi ngân hàng	2.416.892	4.535.871
	<hr/>	<hr/>
	4.870.816.362	1.760.229.638

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty bao gồm:

	30/6/2020			31/12/2019		
	Số lượng	Giá gốc VND'000	Giá thị trường VND'000	Số lượng	Giá gốc VND'000	Giá thị trường VND'000
Quỹ Chủ sở hữu						
Chứng khoán nợ niêm yết	13.287.000	1.457.714.683	1.846.097.955	42.437.000	4.754.463.677	5.493.678.443
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	6.692.973.428	6.692.973.428	Không áp dụng	2.397.620.671	2.397.620.671
Quỹ Toàn cầu						
Chứng khoán nợ niêm yết	23.403.441	3.380.569.552	4.117.914.155	24.673.371	3.440.682.853	4.056.781.862
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	852.183.711	852.183.711	Không áp dụng	590.321.382	590.321.382
Quỹ Nhân thọ						
Chứng khoán vốn niêm yết	41.837.084	1.348.386.210	1.249.932.222	50.337.686	1.563.629.156	1.586.428.094
Chứng khoán nợ niêm yết	467.556.113	64.731.425.614	80.315.045.772	506.344.783	67.974.543.634	77.299.468.077
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	11.096.514.532	11.096.514.532	Không áp dụng	4.754.208.976	4.754.208.975
Quỹ Liên kết Đầu tư						
Chứng khoán vốn niêm yết	109.681.950	3.655.166.405	3.492.123.739	108.540.776	3.410.959.029	3.547.695.656
Chứng khoán nợ niêm yết	3.600.000	400.384.185	426.673.181	3.900.000	433.776.780	460.554.293
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	223.307.326	223.307.326	Không áp dụng	168.344.308	168.344.308
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam						
Chứng khoán vốn niêm yết	3.222.367	60.449.268	60.403.112	3.751.392	78.468.249	86.656.335
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	38.751.089	38.751.089	Không áp dụng	38.934.892	38.934.892
Quỹ Hưu trí						
Chứng khoán nợ niêm yết	1.335.000	136.459.566	169.076.021	1.335.000	136.459.566	164.808.088
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	96.252.475	96.252.475	Không áp dụng	91.887.177	91.887.178
		94.170.538.044	110.677.248.718		89.834.300.350	100.737.388.254

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu thuần

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND'000	VND'000
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư	77.336.084	58.415.191
Doanh thu từ hoạt động quản trị danh mục đầu tư	5.551.962	3.962.325
Doanh thu từ hoạt động hỗ trợ phân bổ tài sản	10.415.494	3.891.273
	<hr/>	<hr/>
	93.303.540	66.268.789

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty quản lý năm (05) danh mục đầu tư chứng khoán và một (01) quỹ đầu tư với tổng giá trị tài sản ròng là 116.098 tỷ VND (31/12/2019: 102.652 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Toàn cầu, Quỹ Nhân thọ, Quỹ Liên kết Đầu tư và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 76.290 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 57.396 triệu VND).

Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 1.046 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 1.019 triệu VND).

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, doanh thu từ hoạt động quản trị danh mục đầu tư cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 5.552 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 3.962 triệu VND).

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, doanh thu từ dịch vụ hỗ trợ phân bổ tài sản cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 10.415 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 3.891 triệu VND).

Công ty không nhận khoản phí thưởng hoạt động nào cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 vì các điều kiện của hợp đồng quản lý đầu tư không được đáp ứng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND'000	VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.964.118	2.322.187
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	33.707	15.959
	2.997.825	2.338.146
	2.997.825	2.338.146

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	19.810.835	19.640.680
Chi phí tư vấn và dịch vụ khác	5.266.728	4.460.817
Chi phí thuê văn phòng	2.071.423	1.940.054
Chi phí khác	11.423.048	7.063.967
	38.572.034	33.105.518
	38.572.034	33.105.518

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND'000	VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện tại	12.730.732	3.272.715
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.160.693)	(105.990)
	11.570.039	3.166.725
	11.570.039	3.166.725

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND'000	30/6/2019 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.729.331	35.501.417
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.545.866	7.100.283
Chi phí không được khấu trừ thuế	24.173	32.194
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(3.965.752)
	11.570.039	3.166.725

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán khác

(i) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
Trong vòng một năm	4.564.907	4.414.225
Trong vòng hai đến năm năm	9.411.864	11.754.666
	13.976.771	16.168.891

(ii) Ngoại tệ

	30/6/2020		31/12/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	3.172,75	73.306	3.172,75	73.291

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND'000	30/6/2019 VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư	76.290.013	57.396.092
		Phí dịch vụ quản trị danh mục đầu tư	5.551.962	3.962.325
		Phí dịch vụ hỗ trợ phân bổ tài sản	10.415.494	3.891.273
		Phí liên quan đến dịch vụ IT và hành chính văn phòng do công ty mẹ cung cấp	(64.304)	-
		Chi phí trả hộ cho Công ty	(722.807)	(81.565)
Prudential Corporation Holdings Ltd	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ cho Công ty	(5.721)	-
Prudential Holdings Ltd	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ cho Công ty	-	(162.385)
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan	Phí liên quan đến dịch vụ IT và hành chính văn phòng do công ty liên quan cung cấp	(3.152.501)	(3.374.430)
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Công ty liên quan	Phí liên quan đến dịch vụ phát triển và bảo trì trang web do công ty liên quan cung cấp	(789.583)	-
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ dưới sự quản lý	Phí quản lý quỹ	1.046.071	1.019.100

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

25. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	133.713.884	110.034.045
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	80.000.000	65.000.000
Các khoản phải thu	(ii)	47.059.814	41.754.426
		<hr/>	<hr/>
		260.773.698	216.788.471

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tất cả tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu bao gồm tiền gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và theo đó gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm phí quản lý phải thu. Rủi ro tín dụng liên quan đến phí quản lý phải thu được đánh giá là không đáng kể vì đây là các khoản phải thu từ các bên liên quan và các quỹ dưới sự quản lý của Công ty mà các bên liên quan và các quỹ này có lịch sử trả nợ tốt.

Công ty TNHH Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 tháng VND'000	Từ 1 đến 3 tháng VND'000	Từ 3 tháng đến 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000
Ngày 30 tháng 6 năm 2020						
Phải trả người bán	249	249	249	-	-	-
Chi phí phải trả	12.501.329	12.501.329	-	12.501.329	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.041.269	2.041.269	2.041.269	-	-	-
	14.542.847	14.542.847	2.041.518	12.501.329	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Phải trả người bán	338.976	338.976	338.976	-	-	-
Chi phí phải trả	5.811.755	5.811.755	-	5.811.755	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.186.340	3.186.340	3.186.340	-	-	-
	9.337.071	9.337.071	3.525.316	5.811.755	-	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro về tiền tệ

Ảnh hưởng của rủi ro về tiền tệ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các trạng thái tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro về tiền tệ như sau:

	Có gốc tiền tệ là USD	
	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.306	73.291

Sau đây là tỷ giá hối đoái của ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2020	31/12/2019
USD/VND	23.105	23.100

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 2019. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần	
	30/6/2020	31/12/2019
	VND'000	VND'000
USD (tăng lên 1%)	586	586

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi rủi ro lãi suất do Công ty nắm giữ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn cố định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Các khoản tương đương tiền	125.100.000	106.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.000.000	65.000.000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng	8.613.884	4.034.045

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 69 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2019: 32 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ suy giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B09a - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với giá trị ghi sổ được trình bày tại ngày kết thúc kỳ kế toán, như sau:

	30/6/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
<i>Tài sản tài chính được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	133.713.884	133.713.884	110.034.045	110.034.045
▪ Các khoản phải thu	47.059.814	(*)	41.754.426	(*)
<i>Tài sản tài chính được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.000.000	(*)	65.000.000	(*)
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	249	(*)	338.976	(*)
▪ Chi phí phải trả	12.501.329	(*)	5.811.755	(*)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	2.041.269	(*)	3.186.341	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.



Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

